

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK Châu Á

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm nhẹ, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

ACV, REE

[Quan điểm đầu tư]

Chờ nhịp điều chỉnh để mở lại 1 phần trạng thái ngắn hạn.

08/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,029.26	-0.07
VN30	993.61	+0.16
HĐTL VN30F1M	993.00	-0.15
HNXIndex	156.61	+1.56
HNX30	274.13	+0.29
UPCoM	68.94	+0.35
USD/VND	23,129	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.40	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	45.80	+0.09
Vàng (LME, \$)	1,864.29	+0.08



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,029.26 (-0.07%)
KLGD (triệu CP) 501.3 (+7.7%)
GTGD (triệu US\$) 454.8 (+4.2%)

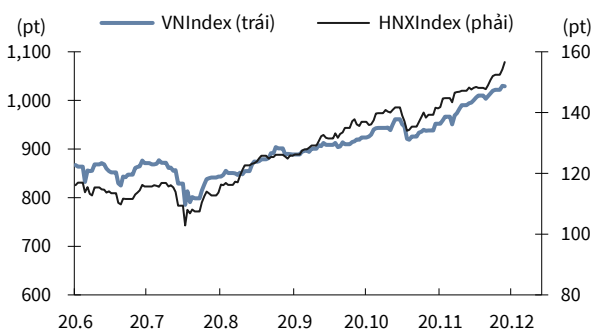
HNXIndex 156.61 (+1.56%)
KLGD (triệu CP) 72.8 (+22.4%)
GTGD (triệu US\$) 42.7 (+29.3%)

UPCoM 68.94 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 34.3 (-43.1%)
GTGD (triệu US\$) 19.6 (-0.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.5

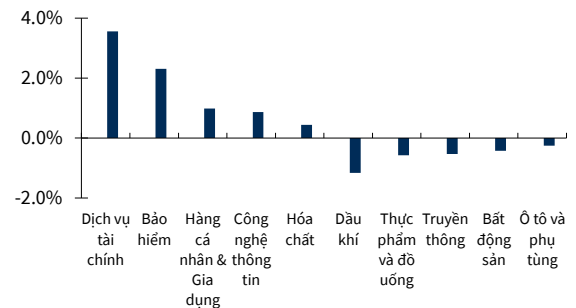
TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK Châu Á trước các lo ngại về số ca nhiễm mới Covid-19 tại Châu Âu và Mỹ tăng mạnh. Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, tháng 11 vừa qua ghi nhận số tài khoản mở mới trong nước đạt 41,203 tài khoản, mức cao nhất lịch sử hơn 20 năm của thị trường chứng khoán Việt Nam, giúp cổ phiếu ngành chứng khoán bứt phá ở HCM (+7%), SSI (+6.6%). Cổ phiếu nhóm thủy sản giảm giá ở SEA (-2.9%), AAM (-1%) sau cảnh báo của Bộ NN&PTNT về việc Trung Quốc siết chặt nhập khẩu thủy sản, tăng cường các biện pháp kiểm soát bao gồm cả việc lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 bên ngoài bao bì và cả sản phẩm. Hiệp hội dệt may và da giày Việt Nam kiến nghị Chính phủ bảo vệ quyền lợi trước nguy cơ bị áp thuế khi Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ khởi động điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ giúp cổ phiếu nhóm dệt may tăng giá TCM (+6.5%), M10 (+3.1%). Khối ngoại bán ròng ở GEX (+0.72%), GMD (+0.17%), VIC (-0.76%).

VNIndex & HNXIndex



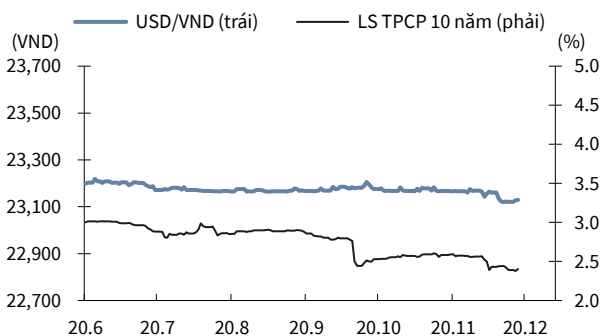
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

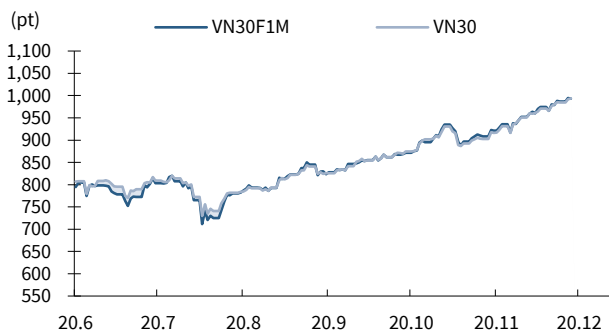
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	993.61 (+0.16%)
VN30F1M	993.0 (-0.15%)
Mở cửa	994.4
Cao nhất	997.3
Thấp nhất	990.0

HĐTL giảm điểm nhẹ, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2012 và VN30 mở cửa ở mức 2.09, giao động trong biên độ -0.58 và 3.22 trước khi thu hẹp vào cuối phiên đóng cửa ở mức -0.61 khi bên LONG cover lại thái. NĐTNN mua ròng nhẹ phiên hôm nay trong khi thanh khoản được cải thiện.

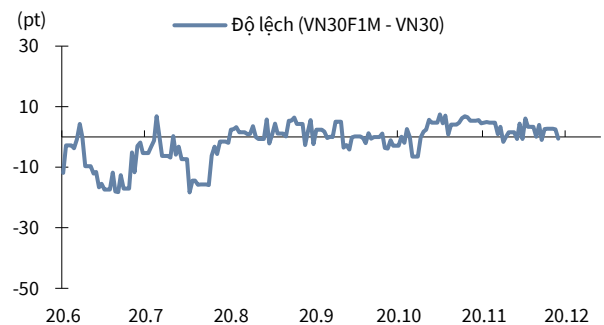
KLGD (HĐ) **97,876 (+19.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



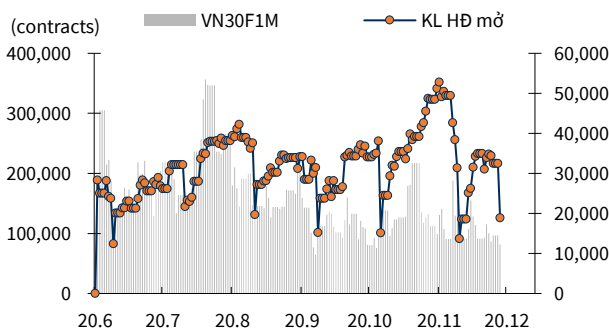
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



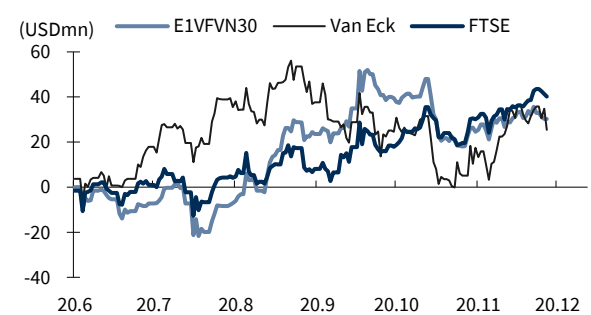
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

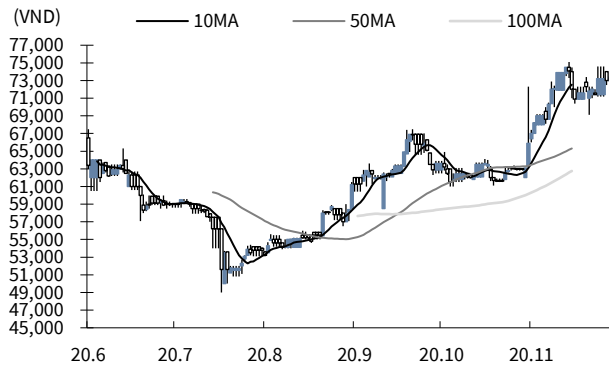
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

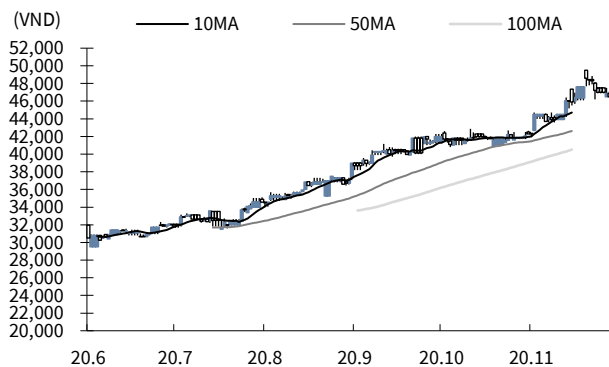
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACV tăng 0.4% lên 73,300 VNĐ/cp.
- Theo quyết định số 2007/QĐ – TTg ngày 7/12/2020, Thủ tướng giao ACV quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tại 22 cảng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đến hết ngày 31/12/2025. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp được giao quản lý sẽ sử dụng để chi trả chi phí bảo trì, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)



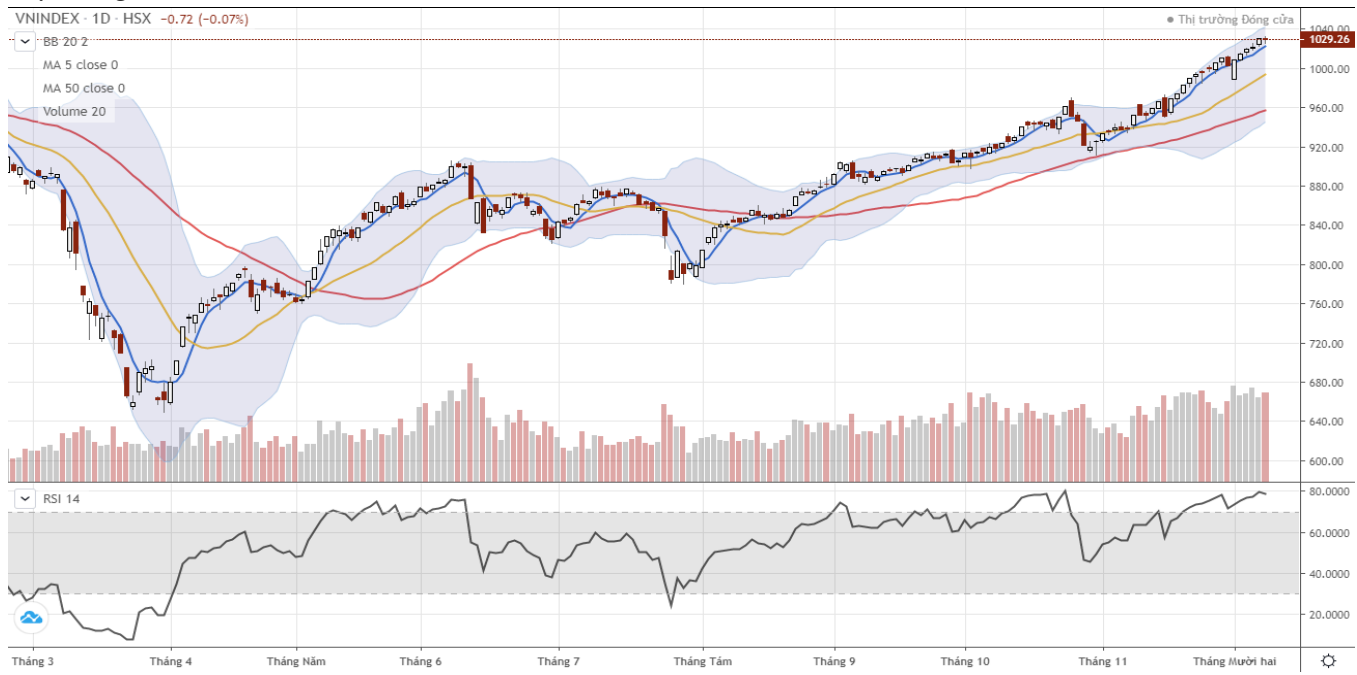
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE giảm -0.9% xuống 46,500 VNĐ/cp.
- REE thông báo đăng ký mua lại 1 triệu cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ từ 16/12 đến 13/1/2021 theo phương thức khớp lệnh, nâng số cổ phiếu quỹ nắm giữ lên 8.915 triệu cổ phiếu. Doanh nghiệp cho biết mua lại cổ phiếu để tạo nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ quản lý cấp cao có thành tích kinh doanh xuất sắc trong các năm 2021, 2022 và 2023.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

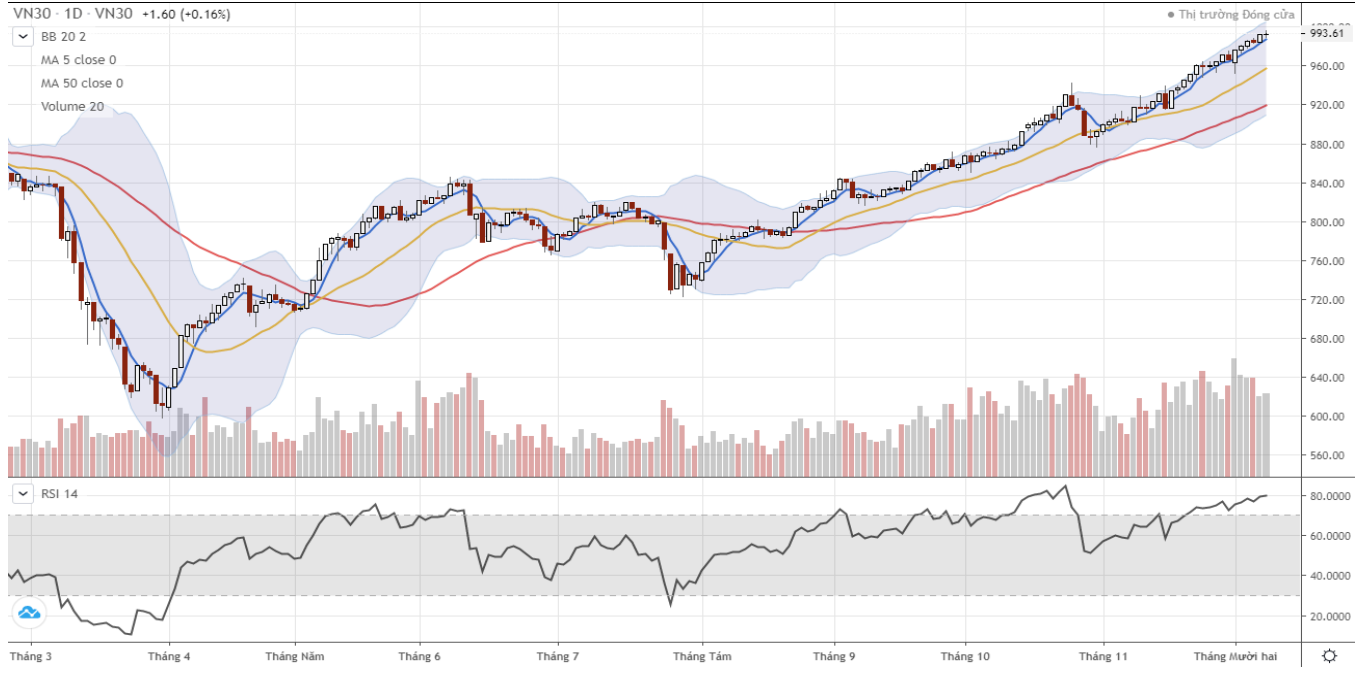
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co đi ngang với các nhịp tăng/giảm đan xen, hình thành mẫu nến spinning top.
- Với việc phản ứng với cận trên dài kháng cự quanh 1030, rủi ro điều chỉnh trong những phiên tới đang hiện hữu và sẽ trở nên rõ nét hơn nếu có thêm 1 phiên giảm điểm kế tiếp xác nhận. Trong kịch bản điều chỉnh, vùng hỗ trợ gần của chỉ số đặt tại 1000-1006.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh để mở lại 1 phần trạng thái ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 998 - 1001

Kháng cự gần: 994 - 995

Hỗ trợ gần: 987 - 989

Hỗ trợ xa: 981 - 984

- F1 diễn biến giằng co đi ngang với các nhịp tăng/giảm đan xen, hình thành mẫu nến spinning top không mấy tích cực.
- Chúng tôi cho rằng vùng kháng cự quanh 1000 sẽ tạo ra lực cản trong ngắn hạn, khiến rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh trong những phiên tới tăng cao, đặc biệt nếu có thêm 1 phiên giảm điểm kế tiếp xác nhận. Trong kịch bản điều chỉnh, vùng hỗ trợ đáng lưu ý của F1 được xác định tại 963-970.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: nắm giữ vị thế SHORT đã mở, STOP nếu vượt vùng kháng cự gần, nhưng cần mở lại khi tiếp cận vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

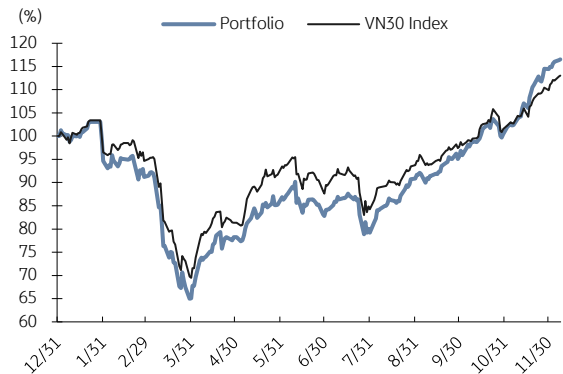
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.16%	0.13%
Tăng lũy kế (YTD)	13.03%	16.52%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	114,500	0.2%	-1.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,150	-0.2%	19.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	78,500	0.0%	2.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,350	2.2%	24.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	46,500	-0.9%	36.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,200	0.9%	67.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,500	-0.6%	41.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,100	-0.2%	17.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	38,400	0.5%	96.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	16,050	-0.6%	17.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
GAS	-0.2%	3.1%	32.1
HSG	2.3%	11.8%	28.7
KDH	0.2%	38.9%	20.3
VCB	0.0%	23.7%	13.8
HBC	0.0%	15.5%	11.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GEX	0.7%	13.7%	-35.5
GMD	0.2%	47.5%	-33.6
VIC	-0.8%	13.9%	-27.8
PAN	6.9%	42.7%	-26.8
VNM	-0.7%	58.1%	-23.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	-1.3%	19.0%	0.2
SHB	2.3%	6.5%	0.1
CAP	-2.6%	2.1%	0.0
TAR	1.0%	0.3%	0.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.3%	10.5%	-6.0
NST	7.9%	6.9%	-3.1
BVS	6.7%	22.7%	-1.5
SHS	4.0%	7.8%	-0.9
TMB	2.5%	0.1%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	7.5%	SSI, HCM
Tài nguyên Cơ bản	7.1%	HPG, HSG
Hóa chất	6.6%	GVR, DPM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.6%	GAS, POW
Bảo hiểm	3.4%	BVH, BIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-1.0%	TCH, CSM
Bán lẻ	-0.6%	MWG, PET
Dầu khí	0.3%	PVD, PLX
Du lịch và Giải trí	0.5%	SCS, VNG
Bất động sản	0.7%	BCM, LHG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	23.2%	HPG, POM
Hóa chất	18.3%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.3%	GAS, POW
Dịch vụ tài chính	15.1%	SSI, HCM
Ngân hàng	11.2%	VCB, CTG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	1.5%	HVN, VNG
Truyền thông	2.0%	PNC, AAA
Y tế	2.7%	DBD, VMD
Thực phẩm và đồ uống	3.2%	MSN, NAF
Ô tô và phụ tùng	3.5%	TCH, CSM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,000	355,155 (15,355)	90,540 (3.9)	22.8	55.5	40.2	21.0	7.0	9.2	4.1	3.7	-0.8	0.0	-0.1	-8.7
	VHM	VINHOMES JSC	84,400	277,635 (12,004)	233,714 (10.1)	27.0	10.4	9.0	35.1	37.2	31.2	3.2	2.4	-0.4	1.3	11.5	-0.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,200	64,079 (2,771)	145,242 (6.3)	18.1	27.1	19.9	-10.7	8.3	11.6	2.3	2.1	-0.4	-0.2	10.2	-17.1
	NVL	NO VA LAND INVES	60,600	59,757 (2,584)	87,710 (3.8)	32.8	15.8	15.2	2.5	14.9	13.4	2.3	2.0	0.2	0.0	-2.4	1.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	27,250	15,227 (658)	52,524 (2.3)	10.1	14.1	11.9	14.5	14.2	15.4	1.8	1.6	0.2	2.6	10.8	6.4
	DXG	DAT XANH GROUP	14,950	7,748 (335)	93,402 (4.0)	12.8	18.7	7.5	-55.2	3.1	14.0	1.1	0.9	0.7	5.7	18.7	3.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	93,100	345,296 (14,929)	90,737 (3.9)	6.3	21.3	18.1	10.4	19.4	19.1	3.6	3.0	0.0	1.2	9.5	3.2
	BID	BANK FOR INVESTM	42,700	171,740 (7,425)	85,073 (3.7)	12.7	30.7	18.8	-3.8	9.4	11.7	2.1	1.9	-0.7	2.4	9.3	-7.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	25,000	87,503 (3,783)	426,985 (18.4)	0.0	8.1	7.0	6.0	16.1	16.0	1.2	1.0	-0.2	2.0	15.7	6.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,500	128,457 (5,554)	310,104 (13.4)	0.9	14.2	10.8	31.2	12.4	14.6	1.6	1.4	-0.6	1.8	14.0	65.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	28,350	69,110 (2,988)	190,367 (8.2)	0.0	8.2	7.0	5.8	18.1	17.3	1.4	1.1	0.9	1.6	20.6	41.8
	MBB	MILITARY COMMERC	21,350	59,207 (2,560)	256,903 (11.1)	0.0	7.6	6.6	9.8	18.5	17.7	1.3	1.1	2.2	2.4	18.6	18.0
	HDB	HDBANK	22,200	35,382 (1,530)	115,711 (5.0)	4.7	8.3	7.2	23.5	19.4	18.8	1.5	1.2	1.6	-0.4	12.3	33.0
	STB	SACOMBANK	15,850	28,588 (1,236)	241,256 (10.4)	14.5	16.4	12.8	11.5	7.2	8.5	1.0	0.9	1.9	2.6	18.7	57.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,050	21,999 (951)	56,992 (2.5)	0.0	6.7	6.1	35.0	22.3	20.1	1.4	1.1	0.2	-1.3	14.9	28.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,050	20,962 (906)	4,913 (0.2)	0.0	24.6	28.1	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	-0.9	-0.6	-1.4	-4.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	57,600	42,758 (1,849)	51,077 (2.2)	20.5	33.6	27.3	4.6	6.6	8.2	2.2	2.1	2.9	4.3	10.8	-16.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,700	2,713 (117)	16,537 (0.7)	14.5	16.2	14.3	9.7	8.5	9.4	1.2	1.1	0.7	-2.6	11.0	19.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,900	13,161 (569)	132,540 (5.7)	51.4	11.4	10.7	-4.1	10.3	11.7	-	-	6.6	12.9	27.7	40.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	44,700	7,402 (320)	45,304 (2.0)	73.8	-	-	-	11.1	13.0	-	-	2.1	5.7	15.8	51.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	26,500	8,084 (350)	98,838 (4.3)	51.9	-	-	-	11.0	17.1	-	-	6.9	7.9	22.4	24.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	20,000	4,170 (180)	40,175 (1.7)	16.0	-	-	-	7.4	11.2	-	-	4.2	6.1	27.0	38.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,200	228,189 (9,866)	221,367 (9.6)	41.9	21.9	20.0	7.1	38.3	39.1	7.8	7.0	-0.7	-0.5	0.4	12.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	206,000	132,104 (5,712)	25,927 (1.1)	36.9	30.6	25.3	3.5	22.4	24.9	6.4	5.7	-0.5	6.5	11.9	-9.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	85,500	100,435 (4,342)	104,618 (4.5)	15.3	95.4	39.2	-53.0	2.8	8.2	3.2	3.1	-0.6	3.0	-4.9	51.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,000	15,520 (671)	48,133 (2.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.1	-3.4	29.0	0.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	118,500	62,075 (2,684)	66,108 (2.9)	11.5	-	28.5	-	0.0	19.7	4.3	3.8	0.4	0.4	12.1	-18.9
	GMD	GEMADEPT CORP	29,200	8,670 (375)	72,500 (3.1)	1.5	21.5	19.2	-53.3	6.8	7.4	1.4	1.4	0.2	2.5	24.3	25.3
	CII	HO CHI MINH CITY	18,650	4,454 (193)	35,794 (1.5)	41.2	9.8	9.2	135.9	9.1	8.9	0.9	0.8	2.5	8.7	12.0	-17.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	10,330 (0.4)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	1.9	-2.2	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,000	9,869 (427)	173,488 (7.5)	35.3	28.8	12.1	-17.7	11.3	12.4	-	-	0.7	3.7	6.3	8.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	66,900	5,104 (221)	70,925 (3.1)	3.0	8.3	9.5	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.6	6.9	4.4	17.8	30.4
	REE	REE	46,500	14,417 (623)	21,166 (0.9)	0.0	9.4	8.5	-9.0	13.6	13.8	1.2	1.1	-0.9	-4.0	11.0	28.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,100	164,791 (7,125)	113,571 (4.9)	45.9	20.4	17.4	-14.2	17.0	18.4	3.3	3.2	-0.2	3.1	21.6	-8.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,700	6,823 (295)	7,387 (0.3)	29.8	10.5	10.0	-7.3	14.3	16.5	1.6	1.6	-1.3	4.6	4.6	9.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,050	7,711 (333)	5,694 (0.2)	33.6	9.4	8.9	-14.3	14.2	14.7	1.3	1.2	1.5	-0.8	7.1	-10.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	38,400	127,230 (5,501)	797,702 (34.5)	15.9	11.3	9.4	15.0	20.7	20.6	2.2	1.9	0.5	7.9	26.3	96.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,150	7,103 (307)	53,803 (2.3)	36.1	10.4	10.9	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	4.6	5.8	5.8	40.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,750	6,750 (292)	45,903 (2.0)	46.3	11.8	16.1	-1.5	10.1	7.7	1.1	1.1	3.7	4.9	2.0	96.2
	HSG	HOA SEN GROUP	20,100	8,930 (386)	238,185 (10.3)	37.2	9.5	6.9	71.2	13.1	14.7	1.2	1.0	2.3	9.5	19.3	170.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,900	2,861 (124)	30,034 (1.3)	97.6	6.2	7.1	47.6	13.3	10.5	0.7	0.6	-0.4	2.4	17.3	6.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,700	61,794 (2,672)	38,083 (1.6)	4.3	54.4	17.3	-42.9	5.0	15.1	2.5	2.3	-1.2	0.2	5.0	-9.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,400	5,643 (244)	114,307 (4.9)	39.7	44.6	46.3	-8.3	0.8	0.8	0.4	0.4	-1.1	1.9	21.8	-11.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,850	4,159 (180)	42,203 (1.8)	32.5	8.4	7.7	-9.6	10.5	10.6	0.8	0.8	0.0	2.4	7.1	-12.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	114,500	51,823 (2,241)	129,344 (5.6)	0.0	13.7	10.3	11.6	27.1	28.7	3.4	2.7	0.2	-1.3	9.0	0.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	78,500	17,672 (764)	80,096 (3.5)	0.0	19.1	15.7	1.3	21.0	23.5	3.6	3.2	0.8	0.6	7.1	-8.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,750	1,462 (063)	1,646 (0.1)	70.3	19.7	14.3	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	1.6	-0.8	4.4	26.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,650	2,026 (088)	26,978 (1.2)	19.9	17.3	12.1	-48.9	6.7	12.2	1.4	1.2	-1.3	5.6	15.3	21.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	65,000	8,807 (381)	77,817 (3.4)	36.1	8.9	8.2	25.2	36.4	31.8	2.9	2.5	-0.6	2.4	13.8	70.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,700	13,820 (598)	572 (0.0)	45.2	18.4	18.1	13.6	21.4	20.3	3.6	3.4	-0.7	2.1	2.6	15.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (243)	1,326 (0.1)	29.9	16.0	-	7.3	16.4	-	2.6	-	0.0	1.2	5.6	38.1
IT	FPT	FPT CORP	56,200	44,055 (1,905)	122,545 (5.3)	0.0	12.8	11.2	19.1	22.7	23.5	2.6	2.4	0.9	1.8	7.3	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.